

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY MÔN NGỮ VĂN KHỐI 10
TỪ NGÀY 11/10/2021 ĐẾN 23/10/2021

TUẦN	Tiết	Bài	Nội dung
6	16 17 18	Uy-lít-xơ trở về (trích sử thi Ô-di-xê)	<p style="text-align: center;">UY-LÍT-XƠ TRỞ VỀ (Trích sử thi Ô-di-xê)</p> <p><u>I. Tìm hiểu chung</u></p> <p><u>1. Tác giả</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Hômerơ là nhà thơ mù người Hi Lạp sống vào khoảng thế kỉ IX – VIII (trước CN).- Sinh trưởng trong một gia đình nghèo bên dòng sông Mêlet <p>→ tập hợp tất cả những thần thoại và truyền thuyết để hoàn thành 2 bộ sử thi Iliát và Ôđixê.</p> <p><u>2. Tác phẩm</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Tóm tắt: (SGK 47).- Chủ đề: miêu tả quá trình chinh phục thiên nhiên và biển cả, đồng thời miêu tả cuộc đấu tranh bảo vệ hạnh phúc gia đình của người Hi Lạp cổ đại. <p><u>3. Đoạn trích:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Vị trí: thuộc khúc ca XXIII.- Bố cục: gồm hai đoạn:<ul style="list-style-type: none">+ Đoạn 1: Từ đầu.... “kém gan dạ”→ Tâm trạng của Pênêlốp khi nghe tin chồng trở về, và khi gặp chồng.+ Đoạn 2: Phần còn lại→ Thử thách và sum họp của hai người.- Đại ý: Thể hiện tâm trạng của Pênêlốp trước tác động của nữ mẫu, Têlêmac và trong cuộc đấu trí với Uy-Lit-Xơ. Cảnh gia đình đoàn tụ sau 20 năm xa cách. <p><u>II. Đọc- hiểu văn bản</u></p> <p><u>1. Hoàn cảnh và tâm trạng của Pênêlốp</u></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Hoàn cảnh của Pênêlốp:</i><ul style="list-style-type: none">+ Chờ đợi chồng 20 năm đằng đẳng, trong khi bị 108 bọn cầu hôn thúc bách tái giá.+ Nàng buộc phải ra điều kiện thi bắn cung để đối phó với chúng.- <i>Khi nghe nữ mẫu báo tin:</i><ul style="list-style-type: none">+ Lúc đầu nàng không tin vì nghĩ chồng đã chết -> chuyển sang thần bí hóa câu chuyện → Sự lí giải của lí trí để trấn an nữ mẫu, cũng là để tự trấn an mình.+ Khi nữ mẫu đưa bằng chứng thuyết phục: “rất đổi phân vân”, “không biết nên đứng xa hay lại gần ôm lấy đầu, cầm

lấy tay người mà hôn”
 => Tâm trạng mâu thuẫn: vừa hi vọng, vừa sợ thất vọng.
 - Trước tác động của con trai: “không nói nên lời”; “tin chắc cha mẹ sẽ nhận ra nhau”
 => Pênelốp là một người trí tuệ, thông minh, tinh táo, thận trọng, biết kìm nén tình cảm và thủy chung.
 → Lập luận chất phác đơn sơ nhưng rất hồn nhiên của người Hi Lạp cổ đại

2. Cuộc đấu trí giữa Pênelốp và Uylitxơ:

Pênelốp	Uylitxơ
<ul style="list-style-type: none"> - Phân vân, lúng túng trong ứng xử → tình cảm >< lí trí. - Sáng suốt đưa ra ý định thử thách với chồng qua đối thoại với con trai → con người thận trọng, biết kìm nén tình cảm. - Sai nhũ mẩu khiêng chiếc giường bí mật ra khỏi giường. → Thử phản ứng của Uylitxơ ⇒ Khôn khéo, thông minh, nặng về lí trí, rất kiên định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhẫn nại mỉm cười: + Hiểu ý định của vợ + Chấp nhận thử thách. + Tin vào trí tuệ của mình. - Gọi ý chiếc giường bí mật. - Giật mình và miêu tả lại tỉ mỉ đặc điểm, quá trình hình thành chiếc giường → Dụng ý để vợ nhận ra mình. ⇒ Cao quý và nhẫn nại, tài trí thâm trầm.

3. Gia đình đoàn tụ:

- Pênelốp: Nước mắt chan hòa, ôm lấy chồng, hôn lên trên chồng.
 - Uylitxơ: Ôm vợ khóc dầm dề.
 → Hình ảnh so sánh: “Mặt đất” và “Người đi biển bị đắm tàu mà được gập đất liền” ⇒ Thể hiện cao độ nỗi niềm, khát khao, sung sướng của Pênelốp và Uylitxơ khi gặp nhau.

III/ Ghi nhớ: SGK

Đọc thêm. RAMA BUỘC TỘI
(trích sử thi Ramayana – Ấn Độ)

1. Tác phẩm và xuất xứ đoạn trích

- Là kiệt tác đầu tiên của thi ca Ấn Độ, tồn tại vững bền và cứu vớt nhân dân Ấn khỏi tội lỗi.
 - Hình thành khoảng TK III TCN. Sau đó được Vanmiki hoàn thiện cả về nội dung và hình thức nghệ thuật, gồm 24.000 câu thơ đối.
 - Tóm tắt tác phẩm (SGK).
 - Đoạn trích “Rama buộc tội” thuộc chương 79, khúc ca VI của sử thi Ramayana.

Đọc thêm: Rama buộc tội

- Bố cục: 2 phần:
- + “Từ đầu được lâu” → Con giận dữ và diễn biến tâm trạng của Rama.
- + Phần còn lại → tự khẳng định và diễn biến tâm trạng của Xita.
- > Miêu tả diễn biến tâm trạng của hoàng tử Rama và Xita, sau khi Rama đã giải cứu Xita.

II. Hướng dẫn đọc – hiểu văn bản:

1. Diễn biến tâm trạng của Rama và Xita

Ra-ma	Xita
<ul style="list-style-type: none"> - <i>Khi buộc tội vợ</i> + Yêu thương xót xa người vợ. + Giữ bản phận gương mẫu của một đức vua + Ngôn ngữ: thiều rành mạch, lúng túng, thô bạo (Nàng có thể để tâm đến Lácmana, Bharata... Viphisana cũng được) + Cách xưng hô: “Ta”, “ Phu nhân cao quý” → Sự xa cách về quan hệ, sự chia li trong tâm hồn, sự mâu thuẫn tâm trạng. - <i>Khi Xita chuẩn bị bước lên giàn hỏa thiêu :</i> + “Nom chàng khủng khiếp như thần chết vậy” + Ra-ma vẫn ngồi, mắt dán xuống đất. + Kiên quyết hi sinh tình yêu. + Chịu thử thách dữ dội → Rama chọn bản phận danh dự của người anh hùng, đức vua mẫu mực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngạc nhiên sững sờ, xấu hổ trước mọi người. - Đau khổ không thể nào tìm chế “đau đớn đến nghẹt thở, như một dây leo bị vòi voi vụt nát...” - Thanh minh: lấy lại tự chủ, lời nói dịu dàng, rõ ràng thấu tình đạt lý. - Bình thản bước vào giàn hỏa thiêu ⇒ Người phụ nữ có phẩm chất cao đẹp sẵn sàng lấy cái chết để chứng minh cho tình yêu và đức hạnh.

2. Vai trò của cộng đồng:

- Cộng đồng chứng kiến cuộc hội ngộ.
- Qua ánh mắt đám đông, tiếng khóc phụ nữ, loài quỷ Raksaxa, loài khỉ Vanara.
- Thái độ cộng đồng:
- + Nghiêm nghị theo dõi, thảm trách Rama
- + Đau lòng khi Xita nhảy vào lửa.
- Động cơ chiến đấu: Danh dự người anh hùng bị xúc phạm và tình chồng vợ, khao khát đoàn tụ gia đình.

III/ Ghi nhớ : SGK

7	19 20 21	Ca dao than thân, yêu	<p><u>I. Giới thiệu chung về ca dao:</u></p> <p><u>1. Khái niệm:</u> Là lời thơ trữ tình dân gian, thường kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, được sáng tác nhằm diễn tả đời sống nội tâm</p>
---	----------------	------------------------------	---

	<p>thương tình nghĩa</p>	<p>con người.</p> <p>2. Phân loại: Theo nội dung chủ đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ca dao than thân. - Ca dao yêu thương tình nghĩa. - Ca dao hài hước. <p>3. Đặc sắc nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung lượng: ngắn gọn (từ 2 đến trên dưới 20 câu). - Thể thơ: phần lớn được viết bằng thể lục bát và song thất lục bát cùng các biến thể của chúng. - Ngôn ngữ: + Giản dị, gần gũi với lời nói hàng ngày, giàu hình ảnh so sánh, ẩn dụ. + Có lối diễn đạt bằng một số công thức mang đậm sắc thái dân gian (môtíp nghệ thuật). - Cách cấu tứ: <ul style="list-style-type: none"> + Phú: phô bày, diễn tả một cách trực tiếp, ko thông qua so sánh về người, việc, tâm tư, tình cảm. VD: Đường vô xứ Nghệ quanh quanh/ Non xanh nước biếc như tranh họa đồ; Nhớ ai ra ngắm vào ngo/ Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai;... + Ti: dùng các hình ảnh so sánh, ẩn dụ để bộc lộ tâm tình của người lao động. VD: Nhớ ai bồi hồi bồi hồi/ Như đứng đống lửa như ngồi đống than; Thuyền ơi có nhớ bến chăng/ Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền;... + Hứng: chỉ những bài ca dao trước nói đến “cảnh” (bao gồm cả sự vật, sự việc) sau mới bộc lộ “tình” (tình cảm, ý nghĩ, tâm sự) VD: Trên trời có đám mây xanh/ ở giữa mây trắng, chung quanh mây vàng/ ước gì anh lấy được nàng/ Để anh mua... <p>II. Văn bản</p> <p>1. Tiếng hát than thân (bài ca dao 1):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lời than thân đã trở thành “lời chung” của người phụ nữ trong XHPK bất công. <ul style="list-style-type: none"> + Âm điệu: xót xa, ai oán, than trách. + Chủ thể lời than: người phụ nữ trong xã hội cũ. + Môtíp “thân em” xuất hiện với tần số khá lớn trong ca dao. + Biện pháp nghệ thuật: so sánh- ẩn dụ → Tạo mối quan hệ tương đồng giữa thân phận con người với sự vật, hiện tượng. → Chữ “thân” trong từ “ thân phận” chỉ địa vị xã hội thấp hèn và cảnh ngộ không may của con người, do số phận định đoạt, không thể thoát khỏi được (theo quan niệm duy tâm). Sự ngậm ngùi, xót xa, có tác dụng nhấn mạnh đến thân phận nhỏ nhoi, đáng thương của người phụ nữ. - Là tiếng nói tự khẳng định giá trị, phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ: Hình ảnh tấm lụa đào: sang trọng, quý giá, đẹp để biểu tượng cho nhan sắc rực rỡ giữa độ xuân thì, cho tâm hồn đắm thắm, dịu dàng của người phụ nữ. - Cách xây dựng hình ảnh tương quan đối lập giữa tấm lụa đào và phát phơ giữa chợ tượng trưng cho vẻ đẹp, giá trị >< thân phận. Bởi vì lẽ thường cuộc sống tương xứng dành cho người con gái có nhan sắc và phẩm hạnh tốt đẹp là cuộc sống hạnh phúc, bình yên, nhưng ở đây thân phận của cô gái chỉ như 1 món hàng giữa chợ đời. + Phát phơ → cái thế bấp bênh, chông chênh.
--	---------------------------------	--

+ Biết vào tay ai → cảm giác chói với, đắng cay của thân phận ko thể tự lựa chọn, quyết định được hạnh phúc, tương lai của mình.

-> Nỗi đau xót nhất của nhân vật trữ tình trong lời than thở chính là khi vừa bước vào độ tuổi đẹp nhất, hạnh phúc nhất của cuộc đời thì nỗi lo thân phận lại ập đến ngay. Bài ca dao là lời than của cô gái có thân phận bị phụ thuộc, không thể làm chủ và quyết định được tương lai, hạnh phúc của mình.

2. Tiếng hát về thương tình nghĩa:

2.1 Tìm hiểu bài ca dao số 4

a/ Nỗi nhớ thương:

- *Hình ảnh khăn*: Là vật trao duyên, vật kỉ niệm gợi nhớ “người đang xa”. Là vật luôn gắn bó, chia sẻ tâm tình với người con gái. Những trạng thái của chiếc khăn: Thương nhớ, Rơi xuống đất, Vất lên vai, chùi nước mắt,... → Những hình ảnh nhân hoá và một loạt các động từ chỉ sự vận động trái chiều với hình ảnh những giọt nước mắt đã diễn tả nỗi nhớ và tâm trạng rối bời, ngổn ngang trăm mối của cô gái.

- *Hình ảnh ngọn đèn* → gợi thời gian ban đêm → nỗi nhớ chuyên từ ko gian sang thời gian, từ ngày sang đêm nên càng thêm sâu sắc, da diết. N ngọn đèn ko tắt → là ẩn dụ chỉ ngọn lửa tình yêu bùng cháy, mãnh liệt, nỗi nhớ đằm đằm với thời gian.

- *Hình ảnh đôi mắt*: Là hình ảnh hoán dụ, là cửa sổ tâm hồn → con người khó giấu cảm xúc, tình yêu qua nó. “Mắt ngủ ko yên” → Sự trần trọc, thao thức → nỗi nhớ xâm nhập cả tiềm thức và vô thức của cô gái.

- *Điệp từ “thương nhớ”* (5 lần) → nỗi nhớ chùng chát, triền miên, cằn cào, da diết như những lớp sóng đang dồn vỡ trong tâm hồn cô gái đang yêu. → tình yêu chân thành, mãnh liệt, sâu sắc.

- *Điệp từ “khăn”* (6 lần, ở vị trí đầu câu thơ) → cấu trúc điệp vắt dòng và điệp ngữ “Khăn thương nhớ ai” (3 lần) diễn tả nỗi nhớ triền miên, da diết, khắc khoải, vừa rất mãnh liệt vừa rất nữ tính..

-> *Tóm lại 10 câu đầu diễn tả ko gian ba chiều của nỗi nhớ (trải rộng theo ko gian, trải dài theo thời gian và thâm nhập vào chiều sâu tiềm thức và vô thức của con người). Thể hiện sự vận động cứ tăng dần, mãnh liệt, sôi trào của nỗi nhớ.*

b/ Nỗi lo phiền:

Đặt trong hoàn cảnh cuộc sống người phụ nữ xưa và trong hệ thống những bài ca dao than thân về hôn nhân gia đình ta thấy nỗi lo của cô gái trước ngưỡng cửa hôn nhân, cô gái lo âu vì lễ giáo phong kiến bất công, hủ tục của xã hội cũ khiến tình yêu dù có thiết tha sâu nặng nhưng không dễ gì dẫn tới được hôn nhân.

-> *Bài ca dao thể hiện nỗi nhớ thương bồn chồn của nhân vật trữ tình, thương nhớ: vì yêu, vì xa cách, lo phiền: vì yêu, vì tình yêu còn bị ngăn cách bởi những trở ngại. Bước phát triển từ cảm xúc nhớ thương đến nỗi lo âu mênh mông cho hạnh phúc lứa đôi thể hiện khao khát hạnh phúc chính đáng của người con gái.*

Tìm hiểu bài ca dao số 6

- Muối và gừng: Hình ảnh biểu tượng: muối mặn- gừng cay. → Đó là những hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho những trải nghiệm cay đắng, mặn mà của tình người nhất là tình cảm vợ chồng. Đồng thời sự gắn bó tự nhiên của chúng còn biểu trưng cho tình nghĩa thủy chung của con người.

-> *Tiểu kết: Bài ca dao trên thể hiện sự gắn bó thủy chung, son sắt, bền vững của tình cảm vợ chồng.*

Nhận xét về bài 4, bài 6

- Nội dung: thể hiện những cung bậc cảm xúc của con người trong tình yêu nam nữ (riêng bài 6: tình nghĩa vợ chồng)
 - Nghệ thuật: Ngôn ngữ: phong phú, giàu hình ảnh.
- III. Tổng kết: SGK**

ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ NÓI VÀ VIẾT

I. Tìm hiểu chung

1. Đặc điểm của ngôn ngữ nói

- Khái niệm: là ngôn ngữ âm thanh trong giao tiếp hàng ngày, người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau, có thể luân phiên nhau trong vai nói và nghe.
- Hoàn cảnh sử dụng: Người nói: ít có điều kiện lựa chọn gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ. Người nghe: phải tiếp nhận kịp thời, không có điều kiện suy ngẫm, phân tích
- Ngữ điệu: Góp phần bộc lộ, bổ sung thông tin qua giọng nói: có thể cao - thấp, nhanh - chậm, mạnh - yếu, liên tục - ngắt quãng. Ngoài ra còn có sự kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ như: nét mặt, ánh mắt cử chỉ điệu bộ,...
- Từ ngữ: Phong phú, đa dạng; Sử dụng những lớp từ mang tính khẩu ngữ, từ địa phương, trợ từ, thán từ, từ đưa đẩy, chêm xen,...
- Câu: Sử dụng câu tỉnh lược, thậm chí chỉ có 1 từ; Có lúc có câu quá rườm rà, có yếu tố dư thừa trùng lặp.

***Phân biệt nói và đọc:**

Giống: cùng dùng âm thanh

Khác: Nói: Phải có ngữ điệu, cử chỉ. Đọc: Phải lệ thuộc tuyệt đối vào văn bản, phải tận dụng ưu thế của ngữ điệu để làm toát lên nội dung.

=> Lưu ý: Bài phát biểu, diễn giảng, đàm thoại... là loại trung gian giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

2. Đặc điểm của ngôn ngữ viết

- Khái niệm: Là loại ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết trong văn bản, được tiếp nhận bằng thị giác.
- Hoàn cảnh sử dụng: Phải biết ký hiệu chữ viết; quy tắc chính tả; quy tắc tổ chức văn bản. Người viết: có điều kiện suy ngẫm lựa chọn gọt giũa từ ngữ, người đọc: có điều kiện suy ngẫm để lĩnh hội thấu đáo.
- Phương tiện hỗ trợ: Các dấu câu, các kí hiệu văn tự; Các hình ảnh minh họa, biểu đồ, sơ đồ ...
- Từ ngữ: Được lựa chọn, thay thế nên có tính chính xác cao, sử dụng từ ngữ phù hợp với từng phong cách văn bản.
- Câu: Thường sử dụng câu dài, nhiều thành phần nhưng tổ chức mạch lạc, đôi khi cũng sử dụng câu ngắn gọn dễ nhớ.

*** Quan hệ giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết:**

- Ngôn ngữ nói: được ghi lại bằng chữ viết, đôi khi ngôn ngữ viết được trình bày bằng lời nói miệng, giữa chúng có mối quan hệ qua lại với nhau. Do đó, ta cần tránh việc lẫn lộn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

**Đặc điểm
ngôn ngữ nói
và viết**

